

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày 18- 3 - 2024
“V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản.”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoài và bà Trần Thị Mộng Lành

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐ-ST-DS ngày 21/02/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Lê Văn S (tên khác: B), sinh năm 1977 và chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Anh Cái Ngọc Đ, sinh năm 1972 và chị Châu Thị Hồng D, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Anh S, chị T có mặt tại phiên tòa; anh Đ và chị Hồng D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án đại diện nguyên đơn anh Lê Văn S và chị Lê Thị Thanh T trình bày yêu cầu như sau:

Ngày 30/11/2022 vợ chồng anh có nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang và được Tòa án nhân dân huyện An Biên thụ lý số 205/TB-TLVA ngày 30/11/2022, theo đó nội dung vợ chồng anh yêu cầu gồm có:

1/ Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh và ông Cái Ngọc Đ. Buộc vợ chồng ông Cái Ngọc Đ và bà Châu Thị Hồng D phải giao trả cho vợ chồng anh mảnh đất tọa lạc tại khu phố Đông Quý, thị trấn Thới Ba, huyện An Biên, đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng cho vợ chồng anh là Lê Văn S và Lê Thị Thanh T tại thửa 30985.5-1.139-A tờ bản đồ 5-1 vào ngày 08/10/2009 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP989344.

2/ Buộc ông Cái Ngọc Đ và bà Châu Thị Hồng D hoàn trả cho vợ chồng anh số tiền cho mượn là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 04/12/2023 vợ chồng anh có nộp đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Rút lại yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh và ông Cái Ngọc Đ. Buộc vợ chồng ông Cái Ngọc Đ và bà Châu Thị Hồng D phải giao trả cho vợ chồng anh mảnh đất tọa lạc tại khu phố Đông Quý, thị trấn Thới Ba, huyện An Biên, đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng cho vợ chồng anh là Lê Văn S và Lê Thị Thanh T tại thửa 30985.5-1.139-A tờ bản đồ 5-1 vào ngày 08/10/2009 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP989344. Không yêu cầu Tòa án giải quyết phần này nữa.

Nay vợ chồng anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Ngày 16/4/2019 ông Đ là chỗ bạn bè thân quen có đến hỏi vay của vợ chồng anh số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và hứa vào ngày 16/5/2019 sẽ trả 50.000.000 đồng và hai năm sẽ trả hết số còn lại là 200.000.000 đồng, tức là đến hết ngày 16/4/2021 sẽ trả hết nợ cho vợ chồng anh. Việc vay tiền ông Đ có viết giấy biên nhận nợ với vợ chồng anh và cam kết thực hiện đúng như thỏa thuận.

Tuy nhiên, từ ngày vay tiền đến ngày hứa trả lần đầu là ngày 16/5/2019 ông Đ không trả số tiền gốc 50.000.000đ, sau đó anh cũng để cho trong hạn 02 năm để ông Đ trả nợ, nhưng đến hết 02 năm (hết hạn ngày 16/4/2021) mà ông Đ không có trả cho tôi đồng nào, anh đã liên hệ nhiều lần nhưng ông Đ chỉ hứa hẹn mà không trả. Ngày 26/6/2021 anh có yêu cầu chính quyền Khu phố Đ hòa giải vụ tiền vay của vợ chồng anh với ông Đ, tại buổi hòa giải anh Đ vắng mặt, vợ anh Đ có ra nói

anh Đ đi làm ăn xa không về dự được và hiện nay không có khả năng trả nợ, không thỏa thuận được nên vợ chồng anh nộp đơn khởi kiện đơn ra Tòa án để giải quyết.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Cái Ngọc Đ trả số tiền vay còn nợ là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 16/4/2019 đến khi giải quyết xong vụ án, lãi suất cao nhất theo quy định pháp luật.

Ý kiến của chị Nguyễn Thị Thanh T thống nhất theo ý kiến của không bổ sung ý kiến gì thêm.

Bị đơn anh Cái Ngọc Đ và chị Châu Thị Hồng D: Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký ghi biên bản phiên tòa đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Đối với đương sự tham gia giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt lần 02 không lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn S và chị Lê Thị Thanh T về việc yêu cầu ông Cái Ngọc Đ trả số tiền nợ 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 16/4/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án là có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo Điều 463, Điều 466 và Điều 468 BLDS. Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 16/4/2019 ông Đ có ký tên nhận nợ. Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại phần yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh anh Lê Văn S và chị Nguyễn Thị Thanh T và không yêu cầu chị Cái Ngọc Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với anh Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ xét xử đối với phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Vợ chồng anh S, chị T khởi kiện yêu cầu anh Đ trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vợ chồng anh Đ đã được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung vụ án: Vợ chồng anh S, chị T yêu cầu anh Đ trả số vay còn nợ là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay 16/4/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ theo giấy biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp (BL30) đề ngày 16/4/2019 với nội dung có thể hiện việc anh Đ có hỏi vay số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), hứa trả lần đầu vào ngày 16/5/2019 trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và số tiền còn lại trả trong hạn 02 năm. Hội đồng xét xử, xét thấy sự thỏa thuận vay tiền giữa vợ chồng anh S và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật có lập giấy biên nhận để làm căn cứ, do anh Đ không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ trong 02 năm nên vợ chồng anh S khởi kiện yêu cầu anh Đ trả số tiền còn nợ 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), nên Hội đồng xét xử xác định việc vay tiền giữa vợ chồng anh Lê Văn S, chị Lê Thị Thanh T và anh Cái Ngọc Đ là có thật và anh Đ còn nợ lại vợ chồng anh S chị T số tiền gốc 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi: Vợ chồng anh S chị T yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 16/4/2019 cho đến ngày xét xử 18/3/2024 là 04 năm 11 tháng 02 ngày. Do đó tiền lãi được tính như sau: $250.000.000đ \times 10\% / \text{năm} \times 04 \text{ năm } 11 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 123.055.000đ$ (Một trăm hai mươi ba triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn S và chị Lê Thị Thanh T buộc anh Cái Ngọc Đ trả số tiền gốc còn nợ là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 123.055.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Về thời hạn trả nợ thì khi bản án có hiệu lực thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn S và chị Lê Thị Thanh T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu “Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa S, chị T và ông Cái Ngọc Đ. Đồng thời đối chị Châu Thị Hồng D, tại phiên tòa vợ chồng anh S chị T rút lại một phần yêu cầu

khởi kiện, không yêu cầu chị Châu Thị Hồng Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) cùng với anh Cái Ngọc Đ.

Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh S, chị T và anh Cái Ngọc Đ và yêu cầu chị Đ có nghĩa vụ liên đới với anh Cái Ngọc Đ thanh toán số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

[5] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 71, Điều 144, Điều 147, Điều 218 Điều 227 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn S và chị Lê Thị Thanh T.

Buộc anh Cái Ngọc Đ trả cho anh Lê Văn S và chị Lê Thị Thanh T số tiền gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 123.055.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng là 373.055.000đ (Ba trăm bảy mươi ba triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Về thời gian thanh toán: Khi nào bản án có hiệu lực pháp luật, thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện tại thời điểm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh Lê Văn S, chị Lê Thị Thanh T và anh Cái Ngọc Đ. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn anh

Lê Văn S và chị Lê Thị Thanh T về việc yêu cầu chị Châu Thị Hồng D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về án phí vụ kiện:

Buộc anh Cái Ngọc Đ phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 373.055.000đ x 5% = 18.652.750đ (Mười tám triệu sáu trăm năm hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Nguyên đơn anh Lê Văn S và chị Lê Thị Thanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003762 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm